

Bản án số: **180/2026/HS-PT**

Ngày: 09 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Đỗ Thị Thuý Năng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phan Ngọc Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo **Hồ Thị L** cùng các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2026/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Hồ Thị L**, Sinh ngày 27/3/1993 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **thôn M, xã T, thành phố Đà Nẵng**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Hồ B1** (sinh năm 1954) và bà **Đỗ Thị N1** (sinh năm 1967); có chồng **Trần Thanh T1** (sinh năm 1990) và 05 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến ngày 24/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Ngọc H**, sinh ngày 01/01/1972 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng**; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Đình M (chết)** và bà **Trần Thị B2** (sinh năm 1937); có vợ là **Trương Thị Thanh T2** (sinh năm 1983) và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Năm 2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Ngày 08/10/2008, bị **Công an huyện Đ**, tỉnh Quảng Nam xử phạt VPHC 4.000.000 đồng về hành vi “Điều khiển xe mô tô gắn biển số không đúng với giấy đăng ký xe hoặc biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp”;

- Ngày 08/11/2018, bị **Công an huyện H, TP** xử phạt VPHC 3.000.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản không có hồ sơ hợp pháp”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến ngày 24/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 27/3/1989 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: **thôn L, xã T, thành phố Đà Nẵng**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Danh T3** (sinh năm 1966) và bà **Phan Thị D** (sinh năm 1966); có chồng là **Nguyễn Văn H1** (sinh năm 1986) và 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2024, đến ngày 06/9/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Xuân N**, sinh ngày 04/01/1978 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng**; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông **Trần Văn Y** (sinh năm 1957) và bà **Phạm Thị H2** (sinh năm 1955); có vợ là **Lê Thị Bé N2** (sinh năm 1981) và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

5. **Lâm Quang B**, sinh ngày 05/5/1975 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng**; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Lâm Quang C** (chết) và bà **Nguyễn Thị T4** (sinh năm 1934); bị cáo có vợ là **Phạm Thị H3** (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho các bị cáo* **Hồ Thị L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị T, Trần Xuân N: Luật sư Lê Văn P** – Công ty L6 Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: **9 H, xã Đ, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* **Lâm Quang B: Luật sư Lê Văn L1** – Văn phòng **L7**, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: **C T, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo **Nguyễn Thanh S, Lê Vĩnh P1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên vào ngày 04/4/2026 các bị cáo **Nguyễn Thanh S, Lê Vĩnh P1** đã có đơn rút kháng cáo. Các bị cáo **Văn Công H4, Trương Thị C1, Phạm Thế T5** không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến ngày 28/8/2024, để có tiền tiêu xài cá nhân, **Hồ Thị L** đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức lô đề dựa vào kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh **miền N, miền T và miền B**. Hằng ngày, **L** sử dụng 02 (hai) điện thoại di động, tài khoản facebook có tên “*Liên Hồ*”, tài khoản zalo có tên “*thy thy*”, số điện thoại 0708.100.332 để nhận cá cược số đề của con bạc và “đầu dưới” chuyển tịch đề cho **L**. Sau đó, **L** tổng hợp rồi chuyển lên “đầu trên”, trong đó có **Văn Công H4** và người dùng tài khoản không rõ lai lịch có tên zalo “Trà sữa”, zalo “Cherry” và zalo “**Kim A**” để hưởng hoa hồng 10% trên tổng số tiền lô đề **L** chuyển. Ngày 27/8/2024, **L** nhận tịch đề rồi chuyển cho Văn Công **H4** qua tài khoản zalo có tên “**Long Thịnh P2**” để hưởng hoa hồng 10%/tổng tiền cược. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2024, biết **L** có nhận

lô đề, **Trần Ngọc H** thoả thuận với **L**, **H** ghi đề chuyển cho **L**, **L** cho **Trần Ngọc H** hưởng tiền hoa hồng 09%/tổng tiền lô đề chuyển cho **L**. Còn đối với những người mua đề trực tiếp từ **L** và **Trần Ngọc H** thì **L**, **Trần Ngọc H** không trích lại tiền hoa hồng. Đến ngày 28/8/2024, quá trình tổ chức đánh bạc của các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H** đã bị **Công an tỉnh Q** bắt quả tang, khám xét thu giữ các phương tiện dùng để tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Số người có hành vi đánh bạc xác định được trong vụ án gồm **Nguyễn Thị T**, **Trương Thị C1**, **Phạm Thế T5**, **Nguyễn Thanh S**, **Trần Văn K**, **Lâm Quang B**, **Trần Xuân N** và **Lê Vĩnh P1**.

Qua điều tra, quá trình tổ chức đánh bạc, đánh bạc theo từng hành vi của mỗi người tương ứng với từng hình thức tổ chức đánh bạc, đánh bạc, cụ thể như sau:

*** Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của **Hồ Thị L****

- Từ ngày 04/06/2021 đến ngày 28/8/2024, **Hồ Thị L** đã sử dụng 02 (hai) điện thoại di động, tài khoản facebook có tên “*Liên Hồ*”, tài khoản zalo có tên “*thy thy*”, số điện thoại 0708.100.332 để ghi đề từ các con bạc **Trần Xuân N**, **Trương Thị C1**, **Trần Văn K**, **Lâm Quang B**, **Nguyễn Đức N3**, **Lê Thị Bé N2**, **Lê C2**, **Nguyễn Xuân V**, **Nguyễn Đức V1**, **Lâm Quang Q**, **Hồ Thị Á**, **Nguyễn Văn Q1**, **Trần Đình V2**, **Trương D1**, **Dương Ngọc T6**, **Hồ P3**, **Nguyễn Văn Đ**, **Trần Thị Kim T7**, **Nguyễn Quốc C3**, **Võ Phi L2**, **Đinh Văn T8**, **Võ Văn Q2**, **Hồ Duy K1**, **Võ Văn T9**, **Nguyễn Đình**, **Nguyễn Thị Kim H5**, **Trần Quang K2**, **Nguyễn H6**, **Hồ Q3**, **Phan Công H7**, **Huỳnh Thị M1**, **Nguyễn Đức N4**, **Nguyễn Minh H8**, **Nguyễn Đức N3**, **Phạm Thị Thanh H9**, **Nguyễn Thanh S1**, **Lê Thị L3**, **Nguyễn Đức T10**, **Trần Thị Thanh T11**, **Hồ Thị H10**, **Nguyễn T10**, **Võ Minh T12**, **Ngô L4**, **Hồ L5**, **Trần Đình T13** và một số con bạc khác không rõ lai lịch và nhận đề từ **Trần Ngọc H** với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.582.501.000 đồng, gồm: 12 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 20 triệu đồng trở lên) với tổng số tiền tổng số tiền dùng để đánh bạc là 315.827.000 đồng, 78 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 05 triệu đồng đến dưới 20 triệu đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 903.220.000 đồng và 401 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc dưới 05 triệu đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 363.454.000 đồng. Trong số đó, **L4** chuyển cho **Văn Công H4** với tổng số tiền dùng để đánh bạc xác định được là 89.779.000 đồng; **L4** chuyển cho người dùng zalo “*Trà sữa*” với số tiền dùng để đánh bạc xác định được là 43.561.000 đồng; **L4** chuyển cho người dùng zalo “*Cherry*” số tiền dùng để đánh bạc xác định được là 33.558.000 đồng; **L4** chuyển cho người dùng zalo “**Kim A**” số tiền dùng để đánh bạc xác định được là 5.635.000 đồng.

Quá trình tổ chức đánh bạc, **L4** thu lợi bất chính 190.198.000 đồng

*** Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của **Trần Ngọc H****

Trần Ngọc H sử dụng 04 (bốn) điện thoại di động, tài khoản zalo có tên “**Hải T14**” và “*Sông Rô*”, số điện thoại 0979.789.552 và 0382.088.500 ghi đề và chuyển lô đề cho **Hồ Thị L**. Từ tháng 5/2024 đến ngày 28/8/2024, sau khi nhận lô đề từ **Phạm Thế T5** và con bạc không rõ lai lịch, **Trần Ngọc H** tổng hợp chuyển một phần cho **L** để hưởng hoa hồng 09%/tổng tiền ghi đề và giữ lại một phần để tự tính thắng thua với con bạc. Trong khoảng thời gian đó, **H** tổ chức đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 75.270.000 đồng, gồm 01 (một) lần số tiền dùng để đánh bạc trên 20.000.000 đồng là 29.180.000 đồng và 04 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 46.090.000 đồng. Trong đó, **Trần Ngọc H** nhận lô đề của **Phạm Thế T5** với tổng số tiền dùng để đánh bạc là

14.500.000 đồng. Số tiền dùng để đánh bạc **Trần Ngọc H** giữ lại tự thắng thua với con bạc là 28.947.000 đồng. Số tiền thu lợi của **Trần Ngọc H** là 1.277.000 đồng.

*** Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị T**

Từ ngày 02/8/2024 đến ngày 28/8/2024, biết **Hồ Thị L** có ghi lô đề, **Nguyễn Thị T** sử dụng tài khoản facebook có tên “Thuy Nguyen” liên hệ với **Hồ Thị L** qua tài khoản facebook có tên “Liên Hồ” để cá cược số đề. Thủy 78 lần đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc 943.545.000 đồng. Trong đó, **T** 04 (bốn) lần đánh bạc (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng) với tổng số tiền là 16.600.000 đồng, 74 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 926.945.000 đồng. Kết quả **T** thua nên không thu lợi bất chính.

*** Đối với hành vi đánh bạc của Trần Xuân N:** Biết **Hồ Thị L** có ghi lô đề, **Trần Xuân N** sử dụng số điện thoại 0905.264.380 liên hệ với **Hồ Thị L** qua số điện thoại 0708.100.332 để cá cược số đề. Từ ngày 15/6/2021 đến ngày 26/02/2024, **N** 124 lần đánh đề với tổng số tiền dùng để đánh bạc là **198.989.000 đồng**, trong đó 06 (sáu) lần đánh đề với số tiền dùng để đánh bạc (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng) là 48.130.000 đồng và 118 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng) đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc là 150.859.000 đồng. **N** thua nên không có thu lợi bất chính.

*** Đối với hành vi đánh bạc của Lâm Quang B:** Biết **Hồ Thị L** có ghi số đề, từ ngày 29/6/2024 đến ngày 28/8/2024, **B** sử dụng tài khoản facebook có tên “Binh Lam” liên hệ với **Hồ Thị L** qua tài khoản facebook có tên “Liên Hồ” để cá cược số đề. Trong khoảng thời gian trên, **B** 05 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 29.300.000 đồng và 72 lần (mỗi lần có số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 53.570.000 đồng. Kết quả **B** thua nên **B** không có thu lợi bất chính.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2026/HS-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng đã quyết định:

1- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322, điểm u, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 BLHS:

- Tuyên bố bị cáo **Hồ Thị L** phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **Hồ Thị L** 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt (từ ngày 28/8/2024 đến ngày 24/01/2025).

2- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc H** phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **Trần Ngọc H** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt (từ ngày 28/8/2024 đến ngày 24/01/2025).

3- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38:

- Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Thị T** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **Nguyễn Thị T** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt (từ ngày 29/8/2024 đến ngày 06/9/2024).

4- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38:

- Tuyên bố bị cáo: **Trần Xuân N** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **Trần Xuân N** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt đi thi hành án.

5- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo **Lâm Quang B** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **Lâm Quang B** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào các ngày 23, 25, 26, 27/01/2026, các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H** về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); các bị cáo **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** về tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo **Hồ Thị L** 03 năm tù, bị cáo **Trần Ngọc H** 15 tháng tù, bị cáo **Nguyễn Thị T** 18 tháng tù, bị cáo **Trần Xuân N** 09 tháng tù, bị cáo **Lâm Quang B** 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Hồ Thị L** nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp 130.000.000 đồng tiền truy thu (trong đó, bị cáo **L** trực tiếp nộp 100.000.000 đồng; các bị cáo **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, mỗi bị cáo nộp thay cho bị cáo **L** 10.000.000 đồng). Các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** có Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Các bị cáo **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, mỗi bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo còn cung cấp các tài liệu khác về nhân thân của các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

* *Luật sư **Lê Văn P** trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**:*

Đối với bị cáo **Hồ Thị L**: Sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp số tiền truy thu 100.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Đối với bị cáo **Trần Ngọc H** đã có hành động

báo cáo cho lực lượng Công an bắt giữ xe khai thác cát trái phép, đã lập công chuộc tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng; đã hỗ trợ cho bị cáo **L** nộp tiền truy thu 10.000.000 đồng và nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; nhân thân đã được xoá án tích; bản thân bị tật ở bàn tay nên hạn chế trong lao động. Đối với bị cáo **T**, trong quá trình điều tra luôn tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đã hỗ trợ cho bị cáo **L** nộp tiền truy thu 10.000.000 đồng và nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; gia đình có công cách mạng; bị cáo không thu lợi bất chính. Đối với bị cáo **N**: Có nhân thân tốt, có hành động cứu sống trẻ sơ sinh nhưng chưa được Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đã hỗ trợ cho bị cáo **L** nộp tiền truy thu 10.000.000 đồng và nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo **L**, **H**, **T**, **N** được hưởng án treo.

* *Luật sư **Lê Văn L1** trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo **Lâm Quang B***: Bị cáo có nhân thân tốt; số tiền sử dụng đánh bạc không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ông nội là liệt sĩ, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng; cha mẹ là người có công cách mạng, Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo **B**, cho bị cáo **B** được hưởng án treo.

Các bị cáo thống nhất với luận cứ người bào chữa, không tranh luận gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B**, **Nguyễn Thanh S** và **Lê Vĩnh P1** có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

Ngày 04/4/2026, các bị cáo **Nguyễn Thanh S**, **Lê Vĩnh P1**, nộp đơn rút đơn kháng cáo, do đó Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ra thông báo số 04/2026/TB-TA ngày 07/4/2026 về việc rút kháng cáo đối với các bị cáo **Nguyễn Thanh S**, **Lê Vĩnh P1**, Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến ngày 28/8/2024, **Hồ Thị L**, **Văn Công H4**, **Trần Ngọc H** đã có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề; **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Nguyễn Thanh S**, **Trương Thị C1**, **Lâm Quang B**, **Phạm Thế T5**, **Trần Văn K**, **Lê Vĩnh P1** có hành vi đánh bạc với số lần, số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo như sau:

- **Hồ Thị L** nhiều lần có hành vi tổ chức đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc là 1.582.501.000 đồng, cụ thể: có 12 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 20 triệu đồng trở lên) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 315.827.000 đồng, 78 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 05 triệu đồng đến dưới 20 triệu đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 903.220.000 đồng và 401 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc dưới 05 triệu đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 363.454.000 đồng. **T15** lợi bất chính với số tiền là 190.189.000 đồng.

- **Trần Ngọc H** có hành vi tổ chức đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc là 75.270.000 đồng, cụ thể có 01 (một) lần số tiền dùng để đánh bạc trên 20.000.000 đồng là 29.180.000 đồng và 04 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 46.090.000 đồng. **Trần Ngọc H** thu lợi bất chính số tiền là 1.277.000 đồng.

- **Nguyễn Thị T** nhiều lần có hành vi đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 943.545.000 đồng, trong đó có 74 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 926.945.000 đồng. **T** thua nên không có thu lợi bất chính.

- **Trần Xuân N** nhiều lần có hành vi đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 198.989.000 đồng, trong đó có 06 (sáu) lần đánh đề với số tiền dùng để đánh bạc (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng) là 48.130.000 đồng. **N** thua nên không có thu lợi bất chính.

- **Lâm Quang B** nhiều lần có hành vi đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 82.870.000 đồng, trong đó có 05 lần (mỗi lần số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng) với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 29.300.000 đồng. **B** thua nên không có thu lợi bất chính.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng đã kết án bị cáo **Hồ Thị L** về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322; bị cáo **Trần Ngọc H** về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322; các bị cáo **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B**, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để xử phạt bị cáo **Hồ Thị L** mức hình phạt 03 năm tù, bị cáo **Trần Ngọc H** mức hình phạt 15 tháng tù, bị cáo **Nguyễn Thị T** mức hình phạt 18 tháng tù, bị cáo **Trần Xuân N** mức hình phạt 09 tháng tù, bị cáo **Lâm Quang B** mức hình phạt 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật và không nặng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Hồ Thị L** nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp 130.000.000 đồng tiền truy thu (trong đó, bị cáo **L** trực tiếp nộp 100.000.000 đồng; các bị cáo **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, mỗi bị cáo nộp thay cho bị cáo **L** 10.000.000 đồng). Các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** có Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Các bị cáo **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, mỗi bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo còn cung cấp các tài liệu khác về nhân thân của các bị cáo (như đã nêu tại phần nội dung vụ án). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt theo như đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của các luật sư bào chữa và các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Hồ Thị L**, **Trần Ngọc H**, **Nguyễn Thị T**, **Trần Xuân N**, **Lâm Quang B**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2026/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng về hình phạt.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm u, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt **Hồ Thị L 03** (Ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt (từ ngày 28/8/2024 đến ngày 24/01/2025).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt **Trần Ngọc H 15** (Mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt (từ ngày 28/8/2024 đến ngày 24/01/2025).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt **Nguyễn Thị T 18** (Mười tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt (từ ngày 29/8/2024 đến ngày 06/9/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt **Trần Xuân N 09 (C4)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt **Lâm Quang B 06 (S2)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Các bị cáo **Hồ Thị L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị T, Trần Xuân N, Lâm Quang B** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.
3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/6/2026).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Dũng

Đỗ Thị Thúy Năng

Huỳnh Văn Phú

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ THAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 10 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 10 – Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú

- Người tham gia tổ tụng;
- Lưu HS.